TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 03 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 556/2018/TLST - HN ngày 06 tháng 12 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

2. Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Trần Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2009 (quyển 1) ngày 03/7/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Về con chung: chị Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn D, sinh ngày 07/01/2010 (phù hợp với nguyện vọng của con chung tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/12/2018). Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Huỳnh Thị T đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020157 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, chị T được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên